

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày 15-5-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Kha

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST - DS, ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Nguyệt T, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1, đường V, Khóm H, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Anh Võ Khắc H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Khóm S, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn bà Trần Nguyệt T trình bày: Vào ngày 24 tháng 5 năm 2019, bị đơn bà Huỳnh Thị C và con là anh Võ Khắc H có làm giấy biên nhận mượn bà T số tiền gốc là 80.000.000

đồng, mượn không tính lãi, mục đích mượn tiền là phục vụ sinh hoạt gia đình và làm chi phí đám cưới cho anh H, khi mượn thoả thuận miệng thời hạn 01 tháng sẽ trả đủ số tiền là 80.000.000 đồng.

Đến hạn trả gốc bà C, anh H không trả, nên bà T trực tiếp đòi nhiều lần bà C, anh H hứa trả nhiều lần nhưng đến nay không trả cho bà T khoản tiền nào.

Do bà C, anh H vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện đúng thỏa thuận, nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà C, anh H liên đới trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu trả lãi 2% tháng, thời gian tính lãi là 43 tháng, với số tiền là 68.800.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bà T yêu cầu bà C, anh H trả lãi suất là 6%/ năm, từ ngày vi phạm thỏa thuận 24 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 01 năm 2023, với thời gian là tính tròn là 43 tháng, với số tiền là 17.200.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn bà C, anh H, nhưng bà C, anh H vắng mặt các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án vào các ngày 23 tháng 02 năm 2023, ngày 17 tháng 3 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Nguyệt T khởi kiện bị đơn bà Huỳnh Thị C, anh Võ Khắc H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Bà C, anh H có nơi cư trú huyện Mang Thít, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà C, anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà C, anh H trả lãi suất là 6%/ năm, từ ngày vi phạm thỏa thuận 24 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 01 năm 2023, với thời gian là tính tròn là 43 tháng, với số tiền là 17.200.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện, có lợi cho bị đơn bà C, anh H, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà C, anh H có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 80.000.000 đồng, trả lãi suất là 6%/ năm, từ ngày vi phạm thỏa thuận 24 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 01 năm 2023, với thời gian là tính tròn là 43 tháng, với số tiền là 17.200.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 24 tháng 5 năm 2019, bị đơn Chính và con là anh H có làm biên nhận mượn bà T số tiền gốc là 80.000.000 đồng, mượn không tính lãi, mục đích mượn tiền là phục vụ sinh hoạt gia đình và làm chi phí đám cưới cho anh H, khi mượn thỏa thuận miệng thời hạn 01 tháng sẽ trả đủ số tiền là 80.000.000 đồng, nhưng đến nay bà C, anh H không trả khoản tiền nào là có xảy ra, bởi được thể hiện tại giấy Biên nhận ngày 24 tháng 5 năm 2019 do bà T cung cấp cũng như qua các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bà C, anh H không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải, xét xử nhằm gây khó khăn, kéo dài thời gian trả nợ. Bà C, anh H có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không có chứng cứ chứng minh, nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại các Điều 6, 91, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận, nhưng bà C, anh H vẫn chưa trả số tiền vay gốc còn nợ, nên buộc bà C, anh H liên đới trả bà T số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng là đúng luật định.

Tại khoản 4 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi suất, nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”.

Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất như sau: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20% /năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... “. Mức lãi suất bà T yêu là 6% năm là không vượt quá quy định, nên chấp nhận.

Do đó, yêu cầu của bà T là có căn cứ và phù hợp các quy định trên, nên chấp nhận buộc bà C, anh H số tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 17.200.000 đồng, tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 97.200.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn Huỳnh Thị C, anh Võ Khắc H có trách nhiệm liên nộp án phí giá ngạch của số tiền phải trả 4.860.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 196, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; các Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Nguyệt T;

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị C, anh Võ Khắc H có trách nhiệm liên đới trả nguyên đơn bà Trần Nguyệt T số tiền gốc là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 17.200.000 đồng, tổng cộng tiền gốc, tiền lãi là 97.200.000 đồng (chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong đối với số tiền gốc phải thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị C, anh Võ Khắc H phải có trách nhiệm liên đới nộp 4.860.000 đồng (bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc